

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH VĨNH PHÚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 42/2022/HS-PT
Ngày 09 - 6 - 2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH PHÚC**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Anh Cường

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Duy Sơn

Ông Trần Văn Thái

- Thư ký phiên tòa: Bà Triệu Mỹ Linh – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc tham gia phiên tòa:
Bà Mầu Mai Quyên - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 22/2022/HS-PT ngày 02 tháng 3 năm 2022 do có kháng cáo của bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số 05/2022/HS-ST ngày 20/01/2022 của Tòa án nhân dân huyện Z, tỉnh Vĩnh Phúc.

- Bị cáo kháng cáo: **Bùi Văn A**, sinh ngày 20/6/1978, tại huyện Z, tỉnh Vĩnh Phúc; nơi cư trú: thôn X, xã Y, huyện Z, tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; đoàn thể: Là Đảng viên Đảng cộng sản Việt Nam, đã bị đình chỉ sinh hoạt Đảng; con ông Bùi Xuân L (Đã chết) và bà Lê Thị N; có vợ là Lê Thị H và 02 con (Lớn sinh năm 2002, nhỏ sinh năm 2004); Tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 24/8/2021 đến nay (Có mặt).

Trong vụ án còn có người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan nhưng không có kháng cáo, kháng nghị Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng tháng 9/2020, do không có tiền tiêu sài và biết nhiều người có nhu cầu mua đất tại khu Trung tâm thương mại và nhà ở S, Bùi Văn A đã nảy sinh ý định lừa đảo chiếm đoạt tài sản của người khác bằng hình thức lợi dụng danh nghĩa bản thân đang làm tại Công ty S, A đưa ra các thông tin giả về việc

có thể mua hộ được các thửa đất ở khu Trung tâm thương mại và nhà ở S cho người có nhu cầu rồi yêu cầu những người này giao tiền đặt cọc mua đất, giao tiền làm thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho A. Trong đó, A nói với anh Phan Anh B (Em họ A) về việc A có nhu cầu bán đất ở S, do tin tưởng và nghĩ A có sở hữu đất và mua hộ được đất của Trung tâm thương mại và nhà ở S thuộc xã Y, huyện Z nên anh B đã nói với anh Bằng Văn C (Là bạn của anh B). Sau khi biết thông tin này, anh C đã gặp và trao đổi với A nhiều lần, A cung cấp thông tin và cho anh C xem một số giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đồng thời đưa anh C đi xem các lô đất tại thực địa để anh C tin, nhờ A mua đất giúp. Từ ngày 26/9/2020 đến ngày 16/12/2020, A cam kết mua hộ cho anh C tổng cộng 09 thửa đất thuộc khu Trung tâm thương mại và nhà ở S và A đã nhiều lần yêu cầu anh C chuyển tiền đặt cọc nhận chuyển nhượng, chi phí sang tên các thửa đất cho A với tổng số tiền là 210.500.000 đồng, trong đó A đều viết giấy biên nhận tiền, cụ thể như sau:

- Ngày 26/9/2020, A nhận của anh C số tiền 15.000.000đ tại khu Trung tâm thương mại và nhà ở S, có anh Phan Anh B chứng kiến. A viết giấy biên nhận chuyển đổi, mua bán đất có nội dung nhận số tiền 15.000.000đ (*Mười lăm triệu đồng*) của anh C với mục đích đặt cọc mua thửa đất mà A cung cấp thông tin cho anh C là thửa số 3B mặt đường 27m khu LK18, có diện tích 120m².

- Ngày 28/9/2020, anh C đưa A số tiền 50.000.000đ để đặt cọc mua 02 thửa đất tại khu Trung tâm thương mại và nhà ở S mà A giới thiệu là 02 thửa đất với diện tích 120m² một thửa tại mặt đường trục 27m.

- Ngày 05/10/2020, anh C đưa A số tiền 40.000.000đ để đặt cọc mua thửa số 621 thuộc khu LK27, có diện tích 120m² (Giá 1.200.000.000đ) và thửa đất đối diện Sân giao dịch Bất động sản của Trung tâm thương mại và nhà ở S, đường LK1-19.

- Ngày 15/10/2020 và ngày 19/10/2020, Bùi Văn A nhờ Nguyễn Văn D (Là nhân viên bảo vệ tại khu Trung tâm thương mại và nhà ở S, cùng làm với A) đến nhà anh C để lấy số tiền 4.500.000đ và 26.000.000đ với mục đích để giao dịch mua đất tại khu S. Sau khi nhận tiền của anh C, D đã giao lại toàn bộ cho A.

- Ngày 01/11/2020, anh C tiếp tục giao cho A số tiền 22.000.000đ theo yêu cầu của A gồm tiền rút hồ sơ và bìa đỏ là 2.000.000đ/lô, tổng là 18.000.000đ và 4.000.000đ là phí giao đất. A viết biên bản với anh C có nội dung thống kê 09 lô đất A cam kết giao dịch cho anh C gồm: 04 thửa đất khu đường 27m, diện tích là 120m²/thửa, có 02 thửa tiếp giáp nhau; 03 thửa đất khu BT18 nhìn sang trường mầm non; 01 thửa góc vát tam giác LK16 gần đường và 01 thửa đất thuộc khu TM6, giai đoạn 2, diện tích 197m². A viết giá giao dịch 09 lô đất trên với anh C là bằng giá khởi điểm ban đầu của Ban và Công ty, xác

nhận A đã thu tiền cọc hợp đồng đồng thời hẹn ngày giao trả các bìa đồ và giao đất chậm nhất ngày 11/11/2020.

- Ngày 11/11/2020, anh C tiếp tục giao cho A số tiền 30.000.000đ theo yêu cầu của A để đặt cọc thêm cho việc mua 02 thửa đất số 551 và 552 nêu trên. Cùng ngày 11/11/2020, A viết giấy thể hiện anh C đặt cọc nhận chuyển nhượng 09 lô đất với tổng số tiền 160.000.000 đồng, hẹn chậm nhất ngày 16/11/2020 A bàn giao hồ sơ và bìa đồ đối với các thửa đất này cho anh C.

- Đến ngày 16/11/2020, do không thực hiện được việc giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và giao đất như đã hẹn nên A viết giấy xác nhận và cam kết đến ngày 20/11/2020 sẽ chuyển bìa đồ của 09 thửa đất trên cho anh C (Tại giấy này, A thể hiện đã phải xin nghỉ làm tại công ty S do bất đắc dĩ nhưng sẽ giải quyết bằng được việc đã cam kết giao dịch 9 lô đất với anh C).

- Ngày 16/12/2020, với sự chứng kiến của anh Phan Anh B, anh C tiếp tục giao cho A số tiền 10.000.000đ theo yêu cầu của A để rút hồ sơ làm thủ tục sang tên (Chuyển nhượng) quyền sử dụng đất. Khi giao số tiền 10.000.000đ này, A viết biên bản giao dịch với nội dung: Đã nhận của anh C số tiền 200.000.000đ (Thực tế là 200.500.000đ) trước đó trong đó có một lần anh C đưa cho A số tiền 13.000.000đ để phục vụ việc giao dịch chuyển nhượng đất nhưng không viết giấy nhận tiền; A cam kết đến ngày 20/12/2020 sẽ bàn giao toàn bộ giấy chứng nhận quyền sử dụng 09 thửa đất cho anh C đồng thời A tiếp tục viết giấy có nội dung giao dịch (Mua) thửa đất số 586, số tờ 31, diện tích 120m² với giá 1.425.000.000đ cho anh C.

Sau khi nhận tiền của anh C, A đã chiếm đoạt, sử dụng cho mục đích cá nhân toàn bộ số tiền 210.500.000đ rồi đi khỏi nơi cư trú.

Ngày 29/3/2021, anh Bằng Văn C đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Z tố giác tội phạm về hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của Bùi Văn A. Sau khi tiếp nhận tố giác về tội phạm nêu trên, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Z đã tiến hành kiểm tra, xác minh theo quy định pháp luật đồng thời triệu tập và ra thông báo truy tìm đối với Bùi Văn A.

Quá trình điều tra xác định, những thông tin về 09 thửa đất mà A đưa ra khi giới thiệu và đưa anh C đi xem, anh C đồng ý giao 210.500.000đ tiền đặt cọc, chi phí làm thủ tục sang tên cho A, gồm:

- 01 thửa đất góc số 60, diện tích 193m², tờ bản đồ 13, thuộc khu L24, giai đoạn 2 của dự án; 03 thửa đất số 08, 09, 10 thuộc khu TM12, tờ bản đồ số 13, có diện tích 120m²/thửa, hiện không có thông tin trong hệ thống cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh huyện Z – tỉnh Vĩnh Phúc.

- 03 thửa đất đối diện trường mầm non T số 550, 551 và 552 thuộc khu BT19, tờ bản đồ số 13 (Thửa đất số 550 có diện tích 197m², thửa đất số 551 và

552 có cùng diện tích là 205m²). Trong đó: Thửa đất số 550, thuộc quyền sử dụng hợp pháp của anh Nguyễn Văn E, sinh năm 1982, trú tại thôn A1, xã B1, huyện Z; thửa đất số 551, thuộc quyền sử dụng hợp pháp của ông Nguyễn Văn G, sinh năm 1977, trú tại: thôn A2, thị trấn B2, huyện Z; tháng 11/2020 ông G bán lại cho ông Lê Xuân K, sinh năm 1975, trú tại: thôn A3, xã Y, huyện Z; thửa đất số 552, thuộc quyền sử dụng hợp pháp của anh Lê Quang V, sinh năm 1987, trú tại thôn A2.

- 01 thửa đất góc số 840, tờ bản đồ số 13 có diện tích 121m², thuộc quyền sử dụng hợp pháp của ông Lê Chính S, SN: 1967, trú tại thôn A4 xã B4, huyện Z, tỉnh Vĩnh Phúc.

- 01 thửa đất số 621 thuộc khu LK27, tờ bản đồ số 13, có diện tích 120m² thuộc sở hữu hợp pháp của ông Nguyễn Văn T, SN: 1976, trú tại: Khu 10, thị trấn M, huyện Z và ông Văn Đăng X, SN: 1976, trú tại: Khu 7, thị trấn M, huyện Z (Trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất vẫn đứng tên ông Nguyễn Phú Đ sinh năm 1989 trú tại xã A5, huyện B5, tỉnh Hải Dương).

- Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện Z đã làm việc với Công ty cổ phần tập đoàn S, huyện Z xác định: Ngày 18/4/2017, Công ty S có ký Hợp đồng lao động số 30/2017/HĐLD-PS về việc tuyển dụng Bùi Văn A và chỉ giao nhiệm vụ làm bảo vệ tại khu Trung tâm thương mại và nhà ở S thuộc xã Y, huyện Z, tỉnh Vĩnh Phúc. Đến ngày 27/11/2020, Bùi Văn A có đơn xin nghỉ việc và được Công ty S đồng ý giải quyết. Ngày 01/12/2020 Công ty S ban hành Quyết định số 137/QĐ-PS ngày 01/12/2020 có hiệu lực từ ngày 21/11/2020 về việc chấm dứt Hợp đồng lao động đối với Bùi Văn A nên A không còn làm việc tại Công ty S. Khi làm việc tại Công ty S, Bùi Văn A chỉ có chức năng, nhiệm vụ làm bảo vệ tại khu Trung tâm thương mại và nhà ở S thuộc xã Y. Ngoài ra, A không có bất kỳ, chức năng nhiệm vụ nào khác, không có chức năng môi giới, không được ủy quyền để bán đất tại khu Trung tâm thương mại và nhà ở S. Toàn bộ 09 thửa đất tại khu Trung tâm thương mại và nhà ở S mà A thỏa thuận mua hộ cho anh C đã được Công ty S chuyển nhượng cho các cá nhân khác từ trước ngày 01/9/2020. Bản thân Bùi Văn A không sở hữu bất kỳ thửa đất nào tại khu Trung tâm thương mại và nhà ở S.

Quá trình kiểm tra anh Bằng Văn C đã tự nguyện giao nộp 09 bản gốc giấy nhận tiền các lần đặt cọc vào các ngày 26/9/2020, 28/9/2020, 05/10/2020, 15/10/2020, 19/10/2020, 01/11/2020, 02 giấy nhận tiền vào ngày 11/11/2020, giấy cam đoan ngày 16/11/2020 và giấy ngày 16/12/2020 (Ký hiệu lần lượt là A1, A2, A3, A4, A5, A6, A7, A8, A9, A10); Cơ quan điều tra đã làm việc với Công ty S và tạm giữ 01 bản gốc Đơn xin việc làm đề ngày 23/6/2016 của Bùi Văn A, 01 bản gốc Sơ yếu lý lịch tự thuật đề ngày 23/02/2017 của Bùi Văn A,

01 bản gốc Đơn xin nghỉ việc đề ngày 27/11/2020 của Bùi Văn A; Công an xã Y cũng giao nộp cho Cơ quan điều tra 01 bản gốc Đơn xin tự nguyện công tác trong ngành Công an của Bùi Văn A, 01 bản gốc Lý lịch tự khai của Bùi Văn A để phục vụ điều tra (Ký hiệu lần lượt là M1, M2, M3, M4, M5).

Ngày 05/4/2021, Cơ quan CSĐT Công an huyện Z ra Quyết định trưng cầu giám định số 209 trưng cầu Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Vĩnh Phúc giám định Chữ viết, Chữ ký của Bùi Văn A đối với các tài liệu do anh Bằng Văn C giao nộp cho cơ quan điều tra. Ngày 15/4/2021, Phòng Kỹ thuật hình sự- Công an tỉnh Vĩnh Phúc ra bản kết luận giám định số 824/KLGĐ, kết luận:

- Chữ viết trên các mẫu cần giám định (Ký hiệu A1 đến A10), trừ chữ viết có nội dung “ngày 16/12/2020 Người Nhận Đỡ” trên mẫu cần giám định (Ký hiệu A10) so với chữ viết của Bùi Văn A trên các mẫu so sánh (Ký hiệu M1 đến M5) là do cùng một người viết ra.

- Chữ viết có nội dung “ngày 16/12/2020 Người Nhận Đỡ” trên mẫu cần giám định (Ký hiệu A10) so với chữ viết của Bùi Văn A trên các mẫu so sánh (Ký hiệu M1 đến M5) là không phải do cùng một người viết ra.

- Chữ ký trên các mẫu cần giám định (Ký hiệu A1 đến A10) so với chữ ký của Bùi Văn A trên mẫu so sánh (Ký hiệu M3) là do cùng một người ký ra.

- Không đủ cơ sở kết luận chữ ký trên các mẫu cần giám định (Ký hiệu A1 đến A10) so với chữ ký của Bùi Văn A trên các mẫu so sánh (Ký hiệu M1, M2, M4, M5) có phải do cùng một người ký ra hay không, do khác dạng chữ ký.

Cơ quan điều tra đã thông báo kết luận giám định nêu trên cho những người liên quan biết; anh C, A đều đồng ý và không thắc mắc gì. Ngày 29/4/2021, khi biết Cơ quan điều tra đang thông báo truy tìm mình thì A đến cơ quan điều tra làm việc, khai báo nội dung việc A thỏa thuận mua bán đất tại khu S, chiếm đoạt số tiền 210.500.000đ của anh Bằng Văn C và tự nguyện giao nộp số tiền 210.500.000đ để khắc phục hậu quả là thiệt hại gây ra cho anh C rồi A bỏ đi lang thang, trốn tránh việc triệu tập, xử lý của Cơ quan điều tra.

Ngày 24/8/2021 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Z thi hành Lệnh bắt để tạm giam đối với Bùi Văn A tại phường A6, thành phố B6, tỉnh Phú Thọ, đã thu giữ trên người Bùi Văn A 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A71 và 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 105.

Quá trình điều tra mở rộng vụ án, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Z đã ra Thông báo tìm bị hại với nội dung thông báo đến quần chúng nhân dân về việc các cá nhân đã bị Bùi Văn A thực hiện hành vi Lừa đảo chiếm đoạt tài sản với thủ đoạn tương tự đã thực hiện với anh Bằng Văn C thì đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Z để trình báo để được giải quyết theo quy định. Sau khi thông báo, chị Lê Thị T, sinh năm 1973, trú tại thôn A2, thị trấn B2 đã đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Z để tố giác Bùi Văn A về việc bị A lừa

đảo chiếm đoạt số tiền 187.000.000đ thông qua việc A nhận mua hộ đất tại khu Trung tâm thương mại và nhà ở S cho chị T với giá ưu đãi rồi nhiều lần yêu cầu chị T giao tiền đặt cọc và chi phí làm thủ tục sang tên. Cụ thể như sau:

Năm 2018, chị Lê Thị T thuê cửa hàng để kinh doanh quán Bi-a tại khu Trung tâm thương mại và nhà ở S nên có quen biết với Bùi Văn A (Lúc này A đang làm bảo vệ tại đây). Đến khoảng tháng 9/2019, Bùi Văn A có nói chuyện với chị T về việc có thể mua được các lô đất tại khu Trung tâm thương mại và nhà ở S với giá ưu đãi dành cho người nghèo, nếu chị T có nhu cầu thì A sẽ mua hộ. Thấy vậy, chị T nhờ A mua hộ đất, A đồng ý rồi đưa chị T đến và giới thiệu sẽ mua hộ được cho chị T 02 thửa đất gồm: Thửa đất số 840, diện tích 121m² với giá 360.000.000đ (Chủ sử dụng đất hợp pháp là ông Lê Chính S, sinh năm 1967, ở thôn A4, xã B4, huyện Z) và thửa đất số 214, diện tích 250m² với giá hơn 400.000.000đ (Chủ sử dụng đất hợp pháp là bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1964, trú tại: Số 34 đường Ngô Gia Tự, phường Liên Bảo, thành phố Vĩnh Yên, Vĩnh Phúc). Chị T có nhu cầu mua 02 ô đất nên A hướng dẫn chị T cần nhờ một người đứng ra mua cùng chị T (Vì đất bán giá ưu đãi nên mỗi người chỉ được nhận chuyển nhượng 01 ô), chị T đã nhờ em gái ruột của mình là chị Lê Thị Q, sinh năm 1980, trú tại thôn A2, thị trấn B2, huyện Z đứng tên nhận chuyển nhượng thửa đất số 214. Sau đó, A nhiều lần yêu cầu chị T giao tiền cho A để đặt cọc và A làm thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất. Theo sổ ghi chép cá nhân của chị T giao nộp cho Cơ quan điều tra (Không có chữ ký nhận của A) thể hiện trong khoảng thời gian từ ngày 20/9/2019 đến ngày 04/02/2021, chị T đã 11 lần đưa tiền cho Bùi Văn A với tổng số tiền A đã nhận là 141.000.000đ và chị Q đưa A 2 lần với tổng số tiền 46.000.000đ, tổng cộng A đã nhận của chị T 187.000.000đ; cụ thể:

Ngày 20/9/2019 và ngày 15/10/2019, A nhận của chị Q số tiền lần lượt là 10.000.000đ và 36.000.000đ đều để mua hộ đất và khi chị Q giao tiền cho A thì đều có chị T đi cùng.

Từ ngày 18/12/2019 đến trước ngày 23/02/2020, chị T đã chuyển tiền 04 lần với các số tiền lần lượt là 8.000.000đ, 34.000.000đ, 46.000.000đ, 3.000.000đ, tổng cộng là 91.000.000đ. Từ ngày 23/02/2020 đến trước ngày 15/5/2020, chị T đã đưa cho A 03 lần với các số tiền lần lượt là 12.000.000đ, 3.000.000đ và 2.500.000đ (Do ông Nguyễn Văn O, sinh năm 1966, trú tại xã Y, huyện Z đưa cho A hộ chị T khi A đến quán bán hàng của chị T như hẹn trước), tổng cộng 17.500.000đ. Từ ngày 15/5/2020 đến trước ngày 21/11/2020, chị T đưa cho A 02 lần với các số tiền 16.000.000đ, 2.500.000đ, tổng cộng 18.500.000đ. Ngày 21/11/2020, chị T đưa cho A số tiền 12.000.000đ. Ngày 04/02/2021, chị T đưa cho A số tiền 2.000.000đ.

Toàn bộ số tiền do chị T, ông O và chị Q giao cho A đều là tiền của chị T. Mỗi lần giao tiền, chị T đều ghi lại vào sổ theo dõi cá nhân nhưng vì tin tưởng A làm ở S nên chị T không yêu cầu A ký xác nhận mỗi lần A nhận tiền. Đến cuối năm 2020, đầu năm 2021, sau nhiều lần yêu cầu A thực hiện việc giao đất, giao bìa đỏ như đã thỏa thuận nhưng A không thực hiện được nên chị T đã tìm hiểu và được biết thửa đất 840 và 214 đã được Công ty S bán cho những người khác từ lâu. Chị T liên tục yêu cầu A trả lại số tiền đã nhận là 187.000.000đ nhưng A không trả mà tránh mặt rồi bỏ trốn khỏi địa phương.

Đối với hành vi chiếm đoạt tiền của chị T, Bùi Văn A trình bày: Tháng 9/2019, chị Thuý nhờ A tìm mua hộ đất tại khu Trung tâm thương mại và nhà ở S thì A đồng ý. Sau đó chị Thuý đặt vấn đề nhờ A mua hộ thửa đất số 840, diện tích 121m². Lúc này do không có tiền tiêu sài nên A đã nảy sinh ý định lợi dụng việc chị T nhờ tìm mua hộ đất để bảo chị Thuý đưa tiền đặt cọc và chi phí làm thủ tục sang tên để chiếm đoạt. Sau đó, chị Thuý còn nhờ A tìm mua cho em chị Thuý là chị Q một thửa đất thì A giới thiệu và đưa chị T, chị Q đi xem thửa thửa đất số 214, diện tích 250m². Sau khi xem đất, chị T tin tưởng A có thể mua hộ mình những ô đất trên với giá ưu đãi như A giới thiệu nên trong thời gian từ ngày 20/9/2019 đến ngày 04/02/2021, A đã liên tục yêu cầu chị T giao tiền cho A để đặt cọc và làm thủ tục chuyển quyền sử dụng đất. A trình bày nhiều lần nhận tiền của chị T tại khu Trung tâm thương mại và nhà ở S nhưng A không nhớ chính xác số lần và số tiền nhận của chị T, A chỉ khẳng định tổng số tiền A đã nhận của chị T khoảng dưới 100.000.000đ (Cụ thể là 87.000.000đ) trong đó có 2 lần nhận của chị Q và một lần nhận của ông Nguyễn Văn O như chị T đã trình bày và ngày 04/02/2021 là lần cuối cùng A nhận tiền của chị T với số tiền 2.000.000đ. Sau khi nhận số tiền trên, A không thực hiện việc mua hộ chị T hai thửa đất số 840 và 214 như cam kết, thỏa thuận mà đã chiếm đoạt toàn bộ số tiền này để sử dụng tiêu sài cá nhân hết như mục đích ban đầu A đề ra. Sau nhiều lần A hứa hẹn mà không thực hiện được chị T nhiều lần liên hệ, đến nhà A để đòi lại số tiền đã đưa A nhưng do đã sử dụng cá nhân hết, không có tiền trả chị T nên A trốn tránh, không gặp chị T. Đến ngày 24/4/2021, chị Lê Thị H, SN 1981, trú tại xã Y, huyện Z (Là vợ của A) đã đi vay số tiền 10.000.000đ (Mười triệu đồng) trả cho chị T để khắc phục hậu quả thay cho A. Số tiền còn lại chị T tiếp tục nhiều lần đòi nhưng A không trả.

Quá trình điều tra, ông Lê Chính S và bà Nguyễn Thị P là chủ sử dụng đất hợp pháp thửa đất số 840 và 214 xác định gia đình và bản thân ông bà không có ý định bán đất, cũng không giao bán, không nhờ hay ủy quyền cho A giao dịch, chuyển nhượng thửa đất trên. Ông S và bà P đều không biết A là ai, không gặp A bao giờ và cũng không thấy A liên hệ, trao đổi về việc giao dịch, nhận chuyển

nhượng đất. Việc A thỏa thuận mua hộ 2 thửa đất này cho chị T thì ông S, bà P đều không biết.

Quá trình làm việc, chị T đã cung cấp cho Cơ quan điều tra: 01 tờ giấy trắng khổ A4 có nội dung bắt đầu là chữ “Chị T...” kết thúc là chữ “...có gì đâu” ở trang 1; ở trang 2 bắt đầu là chữ “em rất quý...” kết thúc là chữ “...Nguyễn Ngọc Y”; 01 tờ giấy trắng khổ A4 được ghi nội dung bắt đầu là chữ “Em chờ hết buổi sáng...” kết thúc là chữ “...chị nghĩ kỹ” ở trang 1; ở trang 2 bắt đầu là chữ “đừng đồn nhau...” kết thúc là chữ “...Nguyễn Ngọc Y” (Ký hiệu lần lượt là A11, A12)

Ngày 21/7/2021, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Z ra Quyết định trưng cầu giám định số 424 trưng cầu Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Vĩnh Phúc giám định chữ viết, chữ ký của Bùi Văn A đối với các tài liệu do chị Lê Thị T giao nộp cho cơ quan điều tra. Ngày 21/8/2021, Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Vĩnh Phúc ra bản kết luận giám định số 2150/KLGĐ, kết luận: *Chữ viết trên các tài liệu do chị Lê Thị T cung cấp là do Bùi Văn A trên viết ra; Chữ ký trên các tài liệu do chị Lê Thị T cung cấp, là Bùi Văn A ký ra.* Cơ quan điều tra đã thông báo kết luận giám định nêu trên cho những người liên quan biết, chị T và A đều đồng ý và không thắc mắc gì.

Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Z đã áp dụng triệt để các biện pháp điều tra để làm rõ mâu thuẫn về số tiền A đã nhận của chị T trong lời khai của Bùi Văn A với lời trình bày của chị Lê Thị T (*Chị T trình bày đưa cho A số tiền 187.000.000đ nhưng A khai chỉ nhận của chị T số tiền 87.000.000đ*). Đến ngày 08/10/2021, chị Lê Thị H (Vợ A) đã trả cho chị T số tiền 177.000.000đ. Tại phiên tòa bị cáo khai nhận do nhận của chị T nhiều lần nên không nhớ chính xác số tiền chiếm đoạt của chị T, quá trình bị tạm giam bị cáo nhớ lại và thừa nhận chiếm đoạt số tiền 187.000.000đ của chị T như bản cáo trạng đã nêu.

Với hành vi nêu trên tại bản án hình sự sơ thẩm số 05/2022/HS-ST ngày 20/01/2022 Tòa án nhân dân huyện Z đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo Bùi Văn A phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 174, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017), xử phạt bị cáo Bùi Văn A 08 (Tám) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam 24/8/2021.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định án phí và tuyên quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 30/01/2022 bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo vẫn giữ nguyên kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc giữ quyền công tố tại phiên tòa phúc thẩm phát biểu quan điểm, phân tích tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo, đã đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị cáo, sửa bản án sơ thẩm, giảm cho bị cáo tù từ 03 tháng tù đến 06 tháng tù.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hình thức: Đơn kháng cáo của bị cáo Bùi Văn A làm trong hạn luật định, đơn hợp lệ được xem xét giải quyết.

[2] Về Nội dung: Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo Bùi Văn A đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời nhận tội của các bị cáo phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, lời khai tại phiên tòa sơ thẩm, có đủ căn cứ để xác định như sau: Khoảng tháng 9/2020, do không có tiền tiêu sài và biết nhiều người có nhu cầu mua đất tại khu Trung tâm thương mại và nhà ở S, Bùi Văn A đã nảy sinh ý định lừa đảo chiếm đoạt tài sản của người khác bằng hình thức lợi dụng danh nghĩa bản thân đang làm tại Công ty S, A đưa ra các thông tin giả về việc có thể mua hộ được các thửa đất ở khu Trung tâm thương mại và nhà ở S cho người có nhu cầu rồi yêu cầu những người này giao tiền đặt cọc mua đất, giao tiền làm thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho A. Từ ngày 26/9/2020 đến ngày 16/12/2020, A cam kết mua hộ cho anh C tổng cộng 09 thửa đất thuộc khu Trung tâm thương mại và nhà ở S và A đã nhiều lần yêu cầu anh C chuyển tiền đặt cọc nhận chuyển nhượng, chi phí sang tên các thửa đất cho A với tổng số tiền là 210.500.000 đồng, trong các lần nhận tiền A đều viết giấy biên nhận.

Quá trình điều tra A còn khai nhận khoảng tháng 9/2019, A có nói chuyện với chị T về việc có thể mua được các lô đất tại khu Trung tâm thương mại và nhà ở S với giá ưu đãi dành cho người nghèo, nếu chị T có nhu cầu thì A sẽ mua hộ. Chị T đồng ý nhờ A mua hộ đất, sau đó nhiều lần A yêu cầu chị T giao tiền để đặt cọc và A làm thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất. Theo sổ ghi chép cá nhân của chị T giao nộp cho Cơ quan điều tra (Không có chữ ký nhận của A) thể hiện trong khoảng thời gian từ ngày 20/9/2019 đến ngày 04/02/2021, chị T đã 11 lần đưa tiền cho Bùi Văn A với tổng số tiền A đã nhận là 141.000.000đ và chị Q đưa A 2 lần với tổng số tiền 46.000.000đ, tổng cộng A đã nhận của chị T 187.000.000đ.

Tổng số tiền bị cáo chiếm đoạt 02 lần là 397.500.000đ

[4] Với hành vi phạm tội nêu trên Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Bùi Văn A về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật hình sự năm 2015 là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[5] Xét đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy: Pnh vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây bất bình trong quần chúng nhân dân, ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an và an toàn xã hội tại địa phương. Bị cáo là thanh niên có sức khỏe nhưng không chịu khó làm ăn, muốn có tiền ăn tiêu đã lừa đảo chiếm đoạt tại sản của người khác, việc đưa bị cáo ra xử lý nghiêm minh trước pháp luật là cần thiết để giáo dục riêng và phòng ngừa chung. Toà án cấp sơ thẩm đã đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo để quyết định mức hình phạt 08 năm tù đối với bị cáo Bùi Văn A là có căn cứ.

[6] Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo vẫn giữ nguyên kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và vợ bị cáo xuất trình cho Hội đồng xét xử phúc thẩm đơn trình bày điều kiện hoàn cảnh, trước khi phạm tội là người có nhân thân tốt, đã có thời gian tham gia quân ngũ, đã từng tham gia các hoạt động đoàn thể, chính quyền thôn, xã, tích cực xây dựng nông thôn mới và các hoạt động từ thiện có xác nhận của chính quyền địa phương. Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo, để bị cáo yên tâm cải tạo, sớm trở thành công dân có ích cho xã hội. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị. Kháng cáo của bị cáo Bùi Văn A được Hội đồng xét xử chấp nhận nên bị cáo không phải nộp án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 355; điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Bùi Văn A, sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 05/2022/HS-ST ngày 20/01/2022 của Tòa án nhân dân huyện Z, tỉnh Vĩnh Phúc.

Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 174, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017), xử phạt bị cáo Bùi Văn A 07 năm 03 tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam ngày 24/8/2021.

Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bị cáo Bùi Văn A không phải nộp án phí hình sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Vĩnh Phúc;
- TAND huyện Z;
- VKSND huyện Z;
- Công an huyện Z;
- Chi cục THADS huyện Z;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ, Tòa hình sự, HCTP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Đỗ Anh Cường